

Số: /BC-THPTTrHĐ

Đăk Hà, ngày 15 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số tại đơn vị, năm học 2025-2026

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Thực hiện Công văn số 2130/SGDDĐT-GDTrH ngày 08/5/2026 của sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số tại đơn vị, năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2025-2026 và tình hình thực tế của nhà trường;

Trường THPT Trần Hưng Đạo báo cáo kết quả cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin đơn vị

Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Trần Hưng Đạo.

Địa chỉ: Số 269, đường 24/3, thôn Đăk Hà 2B, xã Đăk Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: 02603213279.

Email: thpttranhungdaoqn@gmail.com

Website/Cổng thông tin điện tử: <https://thpttranhungdao.quangngai.edu.vn>

Thông tin liên hệ: Mai Xuân Kiên, Hiệu trưởng, điện thoại: 0905465099 email: maixuankien1981@gmail.com

2. Số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh của đơn vị

Năm học 2025 - 2026, Trường THPT Trần Hưng Đạo có:

Cán bộ quản lý: 03 người.

Giáo viên: 65 người.

Nhân viên: 07 người.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 75 người.

Tổng số học sinh: 1175 học sinh.

Tổng số lớp: 28 lớp.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được tuyên truyền, hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng số; thường xuyên khai thác các phần mềm, nền tảng số phục vụ công tác quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá, xử lý văn bản, lưu trữ hồ sơ và trao đổi công việc trên môi trường điện tử.

3. Nhân lực thực hiện chuyển đổi số của đơn vị

Nhà trường đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo/Tổ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; phân công lãnh đạo nhà trường trực tiếp phụ trách; phân công giáo viên, nhân viên làm đầu mối triển khai các nhiệm vụ về hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu ngành, học bạ số, sổ điểm điện tử, phần mềm quản lý nhà trường, Office 365, Microsoft Teams, iOffice, phần mềm viên chức, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quản lý thư viện, phần mềm quản lý văn bằng chứng chỉ, thanh toán không dùng tiền mặt, website/cổng thông tin điện tử và các nền tảng hỗ trợ dạy học trực tuyến.

Các tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và bộ phận văn phòng đều tham gia thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc triển khai chuyển đổi số được đưa vào kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn, kế hoạch kiểm tra nội bộ, tiêu chí thi đua và nhiệm vụ thường xuyên của từng cá nhân, bộ phận.

4. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin của đơn vị

Nhà trường đã quan tâm đầu tư, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá và truyền thông giáo dục.

100% phòng học của nhà trường được trang bị tivi phục vụ dạy học. Giáo viên sử dụng máy tính xách tay để thiết kế bài giảng, trình chiếu, khai thác học liệu số, tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp và kiểm tra đánh giá trên môi trường số. Nhà trường có hệ thống kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, dạy học, cập nhật dữ liệu, trao đổi văn bản, họp trực tuyến, tổ chức dạy học trực tuyến và triển khai các nền tảng số.

Hồ sơ chuyên môn, hồ sơ quản lý, tài liệu điều hành được lưu trữ, chia sẻ trên nền tảng Office 365. Công văn đi, đến được xử lý trên hệ thống iOffice. Cơ sở dữ liệu ngành được cập nhật trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại <https://truong.csdl.moet.gov.vn>. Công tác bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến được thực hiện trên <https://taphuan.csdl.edu.vn>. Công tác quản lý viên chức được thực hiện qua phần mềm <https://cbccvc.quangngai.gov.vn>. Công tác kế toán được thực hiện qua phần mềm MISA Mimosa tại <https://mimosaapp.misa.vn>. Công tác quản lý tài sản,

thiết bị được thực hiện qua phần mềm MISA Quản lý tài sản tại <https://qltsapp.misa.vn>. Công tác quản lý thư viện được thực hiện qua phần mềm Vietbiblio. Công tác quản lý văn bằng, chứng chỉ, sổ đăng bộ, sổ điểm, học bạ sổ được thực hiện trên các phần mềm quản lý nhà trường, edu.vn/VnEdu và các hệ thống theo quy định của ngành. Đơn vị triển khai thu các khoản dịch vụ giáo dục bằng hình thức không dùng tiền mặt qua Ngân hàng BIDV tại <https://www.bidv.com.vn>.

Hoạt động trao đổi công việc chuyên môn, điều hành tổ chuyên môn, thông báo nội bộ được thực hiện thường xuyên qua nhóm Zalo, email công vụ, Office 365 và các nền tảng số khác. Nhìn chung, hạ tầng công nghệ thông tin và các nền tảng số của nhà trường đáp ứng tốt yêu cầu chuyển đổi số trong quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá và cung cấp dịch vụ giáo dục.

II. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo

Nhà trường đã triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thống kê giáo dục, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và đánh giá mức độ chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2025-2026; kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030; kế hoạch chuyển đổi số của các tổ chuyên môn; lồng ghép các chỉ tiêu chuyển đổi số vào kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn, kế hoạch kiểm tra nội bộ, tiêu chí thi đua của tập thể và cá nhân.

Nhà trường xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, gắn trực tiếp với đổi mới quản trị nhà trường, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, xây dựng học liệu số, quản lý hồ sơ điện tử, nâng cao chất lượng giáo dục và cải cách hành chính.

So với năm học trước, khi nhà trường được đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt Mức độ 2, năm học 2025- 2026 nhà trường tiếp tục duy trì kết quả đã đạt được, đồng thời mở rộng thêm nhiều nền tảng, phần mềm và phân hệ quản trị quan trọng; từng bước chuyển từ ứng dụng công nghệ thông tin ở các hoạt động riêng lẻ sang quản trị, điều hành, dạy học và kiểm tra đánh giá trên môi trường số một cách đồng bộ, thường xuyên và thực chất hơn.

2. Tổ chức tự đánh giá của đơn vị

Nhà trường đã tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT.

Quy trình tự đánh giá được thực hiện nghiêm túc, gồm:

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường.
- Thành lập Hội đồng, Tổ tự đánh giá; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.
- Rà soát từng tiêu chí, từng điểm thành phần theo Bộ chỉ số.
- Thu thập, sắp xếp minh chứng theo từng tiêu chí.
- Đối chiếu kết quả thực hiện thực tế với yêu cầu của Bộ chỉ số.
- Hợp thống nhất kết quả tự đánh giá.
- Trình Hiệu trưởng phê duyệt kết quả tự đánh giá.
- Lập báo cáo gửi Sở Giáo dục và Đào tạo; cập nhật kết quả tự đánh giá lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành theo quy định.

III. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Chuyển đổi số trong dạy, học

Tiêu chí 1.1. Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường đã ban hành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2025-2026; trong đó có nội dung tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp, khai thác nền tảng dạy học trực tuyến, xây dựng học liệu số, kiểm tra đánh giá trên môi trường số. Nội dung dạy học trực tuyến được lồng ghép trong kế hoạch chuyên môn, kế hoạch tổ chuyên môn và phương án dạy học của nhà trường.

b) Minh chứng:

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2025-2026; kế hoạch chuyên môn; kế hoạch tổ chuyên môn; phương án dạy học trực tuyến/dạy học kết hợp; hồ sơ triển khai Microsoft Teams.

c) Điểm tự đánh giá: Có.

d) Mức độ tự đánh giá: Đạt điều kiện bắt buộc.

Tiêu chí 1.2. Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường đã ban hành, phổ biến và triển khai quy chế/quy định tổ chức dạy học trực tuyến, quy định trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và các bộ phận liên quan trong quá trình tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp. Giáo viên được hướng dẫn sử dụng Microsoft Teams, Azota và các nền tảng số để giao nhiệm vụ, tổ chức hoạt động học tập, kiểm tra đánh giá và phản hồi kết quả học tập cho học sinh.

b) Minh chứng:

Quy chế/quy định tổ chức dạy học trực tuyến; biên bản họp hội đồng; biên bản sinh hoạt chuyên môn; tài liệu hướng dẫn sử dụng Microsoft Teams, Azota, Office 365; hình ảnh/tài khoản/lớp học trực tuyến.

c) Điểm tự đánh giá: Có.

d) Mức độ tự đánh giá: Đạt điều kiện bắt buộc.

Tiêu chí 1.3. Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường đã triển khai hiệu quả phần mềm dạy học trực tuyến Microsoft Teams phục vụ dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp, giao nhiệm vụ học tập, trao đổi giữa giáo viên và học sinh, tổ chức lớp học trực tuyến, lưu trữ tài liệu học tập trên Office 365.

Bên cạnh Microsoft Teams, giáo viên còn sử dụng các công cụ hỗ trợ như Azota, Quizizz, Google Forms, Microsoft Forms, Padlet, Kahoot, PowerPoint, OneDrive/Office 365 để giao bài, kiểm tra thường xuyên, lưu trữ học liệu, chia sẻ tài liệu học tập và phản hồi kết quả cho học sinh.

Hệ thống/phần mềm đang triển khai đáp ứng các chức năng: giáo viên giao bài cho học sinh tự học; giáo viên trả lời, giải đáp thắc mắc của học sinh; tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; phụ huynh học sinh được phối hợp theo dõi tình hình học tập của học sinh thông qua phần mềm quản lý nhà trường, giáo viên chủ nhiệm, nhóm Zalo lớp và các kênh thông tin trực tuyến của nhà trường.

b) Minh chứng:

Tài khoản Microsoft Teams/Office 365; danh sách lớp học trực tuyến; hình ảnh dạy học qua Teams; kho tài liệu trên Office 365; bài kiểm tra trên Azota; kết quả kiểm tra trực tuyến; nhóm Zalo lớp, nhóm Zalo chuyên môn; thông báo phối hợp với cha mẹ học sinh.

c) Điểm tự đánh giá: 30/30 điểm.

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 3.

Tiêu chí 1.4. Số lượng học liệu được số hóa

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng học liệu số phục vụ dạy học và kiểm tra đánh giá. Học liệu số gồm: giáo án điện tử, bài trình chiếu, video bài giảng, phiếu học tập điện tử, ngân hàng câu hỏi, đề kiểm tra trực tuyến, tài liệu ôn tập, tài liệu hướng dẫn tự học và sản phẩm học tập số của học sinh.

Các học liệu số được tổ chuyên môn thảo luận, góp ý, sử dụng trong dạy học và từng bước lưu trữ trên nền tảng Office 365/OneDrive để thuận tiện chia sẻ, khai thác, sử dụng trong toàn trường. Tổng số học liệu số của nhà trường đạt trên 40 học liệu.

b) Minh chứng:

Danh mục học liệu số của các tổ chuyên môn; biên bản sinh hoạt chuyên môn; đường link thư mục học liệu số trên Office 365/OneDrive; giáo án điện tử, bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi, đề kiểm tra trực tuyến.

c) Điểm tự đánh giá: 10/10 điểm.

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 3.

Tiêu chí 1.5. Tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên máy tính

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường đã triển khai kiểm tra, đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến thông qua Azota và một số công cụ số khác như Google Forms, Microsoft Forms, Quizizz. Giáo viên sử dụng Azota để giao bài, thu bài, chấm bài, tổng hợp kết quả, phản hồi kết quả học tập cho học sinh. Một số nội dung kiểm tra, đánh giá được tổ chức trên phòng máy tính có kết nối mạng, phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường.

Kết quả kiểm tra, đánh giá được giáo viên tổng hợp, đối chiếu và cập nhật vào sổ điểm điện tử trên phần mềm quản lý nhà trường, phục vụ quản lý kết quả học tập của học sinh.

b) Minh chứng:

Kế hoạch kiểm tra đánh giá; đề kiểm tra trên Azota; kết quả bài làm của học sinh; bảng điểm xuất từ phần mềm; hình ảnh tổ chức kiểm tra trên máy tính; sổ điểm điện tử; minh chứng cập nhật kết quả vào phần mềm quản lý nhà trường.

c) Điểm tự đánh giá: 15/20 điểm.

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 3.

Tiêu chí 1.6. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường đã tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng các nền tảng số phục vụ quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá. 100% giáo viên có tài khoản và tham gia bồi dưỡng trên hệ thống <https://taphuan.csdl.edu.vn>. 100% giáo viên khai thác được các công cụ số phục vụ đổi mới phương pháp dạy học. Phần lớn giáo viên xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử, đề kiểm tra trực tuyến và sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học như Microsoft Teams, Azota, Quizizz, Padlet, PowerPoint, Office 365.

Nhà trường thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn giáo viên, nhân viên, học sinh kỹ năng sử dụng Internet an toàn, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng chống lừa đảo trực tuyến và thực hiện văn hóa ứng xử trên môi trường số.

b) Minh chứng:

Danh sách tài khoản taphuan.csdl.edu.vn; chứng nhận/hoàn thành bồi dưỡng trực tuyến; kế hoạch tập huấn; biên bản tập huấn; sản phẩm học liệu số; bài giảng điện tử; đề kiểm tra trực tuyến; hình ảnh sinh hoạt chuyên môn về chuyển đổi số.

c) Điểm tự đánh giá: 20/20 điểm.

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 3.

Tiêu chí 1.7. Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số trong dạy, học

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường có hạ tầng, thiết bị phục vụ chuyển đổi số trong dạy học tương đối đồng bộ. 100% phòng học được trang bị tivi phục vụ trình chiếu, khai thác học liệu số, tổ chức hoạt động học tập trên nền tảng số. Giáo viên sử dụng máy tính xách tay trong dạy học. Phòng máy tính được khai thác phục vụ môn Tin học và một số hoạt động kiểm tra, đánh giá trên máy tính.

Hệ thống Internet, mạng nội bộ, thiết bị trình chiếu, tivi, máy tính, phần mềm dạy học và các thiết bị phụ trợ được nhà trường duy trì, bảo trì, khai thác thường xuyên. Hồ sơ, học liệu, tài liệu dạy học được lưu trữ, chia sẻ trên Office 365, góp phần hình thành môi trường dạy học số trong nhà trường.

b) Minh chứng:

Biên bản kiểm kê thiết bị; danh sách phòng học có tivi; danh mục máy tính, máy tính xách tay, phòng máy tính; hình ảnh phòng học, phòng máy; hợp đồng/biên bản kết nối Internet; kế hoạch bảo trì, sửa chữa thiết bị công nghệ thông tin; đường link kho học liệu trên Office 365.

c) Điểm tự đánh giá: 15/20 điểm.

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 3.

Kết quả tự đánh giá Tiêu chí 1: Chuyển đổi số trong dạy, học

Tổng điểm: 90/100 điểm.

Xếp loại mức độ: Mức độ 3.

2. Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Tiêu chí 2.1. Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo/Tổ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; phân công lãnh đạo phụ trách và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. Bộ phận phụ trách chuyển đổi số có nhiệm vụ tham mưu triển khai nền tảng số, quản trị hệ thống, cập nhật dữ liệu, hỗ trợ kỹ thuật, quản lý tài khoản, hướng dẫn giáo viên sử dụng phần mềm, bảo đảm an toàn thông tin và tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của cấp trên.

b) Minh chứng:

Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; danh sách thành viên; bảng phân công nhiệm vụ; thông tin họ tên, chức vụ, email, số điện thoại của thành viên phụ trách.

c) Điểm tự đánh giá: Có.

d) Mức độ tự đánh giá: Đạt điều kiện bắt buộc.

Tiêu chí 2.2. Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường đã ban hành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2025-2026; kế hoạch triển khai chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030; đồng thời chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chuyển đổi số phù hợp với đặc thù môn học. Các kế hoạch xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp, lộ trình thực hiện, phân công trách nhiệm và chế độ kiểm tra, đánh giá.

b) Minh chứng:

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2025-2026; kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 của nhà trường; kế hoạch chuyển đổi số của các tổ chuyên môn; biên bản họp triển khai.

c) Điểm tự đánh giá: Có.

d) Mức độ tự đánh giá: Đạt điều kiện bắt buộc.

Tiêu chí 2.3. Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường

a) Kết quả triển khai:

Năm học trước, Trường THPT Trần Hưng Đạo đã được đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt Mức độ 2. Trên cơ sở kết quả đã đạt được, trong năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng và hoàn thiện các nền tảng, phần mềm quản trị nhà trường theo hướng đồng bộ, thực chất, bao phủ hầu hết các lĩnh vực quản lý, điều hành, dạy học, kiểm tra đánh giá, tài chính, tài sản, thiết bị, thư viện, văn bằng chứng chỉ, hồ sơ học sinh, hồ sơ đội ngũ và cơ sở dữ liệu ngành.

Nhà trường đã triển khai các phần mềm, nền tảng số phục vụ quản trị nhà trường, cụ thể:

- Quản lý hồ sơ học sinh, kết quả học tập, sổ điểm điện tử, học bạ số, sổ đăng bộ: thực hiện trên phần mềm edu.vn/VnEdu và các hệ thống quản lý theo quy định của ngành. Giáo viên thực hiện nhập điểm, cập nhật kết quả học tập, rèn luyện; bộ phận giáo vụ, văn phòng cập nhật, quản lý hồ sơ học sinh, sổ đăng bộ, học bạ số, phục vụ công tác quản lý, tra cứu và báo cáo.

- Quản lý dạy học trực tuyến, hồ sơ điện tử, lưu trữ hồ sơ chuyên môn: thực hiện qua Microsoft Teams, Office 365, OneDrive, phục vụ dạy học trực tuyến, giao nhiệm vụ học tập, chia sẻ học liệu, lưu trữ hồ sơ chuyên môn, hồ sơ tổ/nhóm chuyên môn, hồ sơ quản lý của nhà trường.

- Quản lý văn bản đi, đến: thực hiện trên hệ thống iOffice, bảo đảm công văn đi, công văn đến, chỉ đạo điều hành, xử lý văn bản được thực hiện trên môi trường điện tử, hạn chế tối đa sử dụng văn bản giấy.

- Quản lý cơ sở dữ liệu ngành: thực hiện cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trên hệ thống <https://truong.csdl.moet.gov.vn>, bảo đảm dữ liệu học sinh, đội ngũ, trường lớp, cơ sở vật chất, kết quả giáo dục được cập nhật theo yêu cầu.

- Quản lý bồi dưỡng, tập huấn giáo viên: thực hiện trên hệ thống <https://taphuan.csdl.edu.vn>, phục vụ bồi dưỡng thường xuyên, tự học, tự bồi dưỡng của cán bộ quản lý, giáo viên.

- Quản lý viên chức: thực hiện trên phần mềm <https://cbccvc.quangngai.gov.vn>, phục vụ cập nhật, quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên, quá trình công tác, thông tin đội ngũ.

- Quản lý kế toán: thực hiện trên phần mềm MISA Mimosa tại <https://mimosaapp.misa.vn>, phục vụ công tác kế toán, tài chính, chứng từ, báo cáo tài chính theo quy định.

- Quản lý tài sản, thiết bị: thực hiện trên phần mềm MISA Quản lý tài sản tại <https://qltsapp.misa.vn>, phục vụ theo dõi tài sản, thiết bị, cập nhật biến động, kiểm kê, báo cáo tài sản công.

- Quản lý thư viện: thực hiện trên phần mềm [Vietbiblio](https://vietbiblio.vn), phục vụ quản lý sách, bạn đọc, mượn - trả tài liệu, thống kê hoạt động thư viện, từng bước hình thành dữ liệu thư viện điện tử.

- Quản lý văn bằng, chứng chỉ: nhà trường thực hiện cập nhật, lưu trữ, quản lý hồ sơ văn bằng, chứng chỉ theo quy định; từng bước số hóa dữ liệu, phục vụ tra cứu, xác minh, quản lý và báo cáo khi có yêu cầu.

- Quản lý thông tin y tế trường học, thông tin sức khỏe học sinh: nhà trường cập nhật, quản lý thông tin học sinh, hồ sơ sức khỏe học sinh theo quy định trên các hệ thống, phần mềm quản lý và hồ sơ điện tử của đơn vị.

- Trao đổi công việc chuyên môn, điều hành nội bộ: thực hiện qua nhóm Zalo chuyên môn, Zalo hội đồng, Zalo tổ/nhóm chuyên môn, email công vụ, Office 365 và các nền tảng số, giúp thông tin chỉ đạo, chuyên môn, lịch công tác, hồ sơ, biểu mẫu được triển khai nhanh chóng, kịp thời.

- Kiểm tra, đánh giá: nhà trường triển khai kiểm tra, đánh giá thường xuyên qua Azota và một số công cụ hỗ trợ khác; kết quả được giáo viên tổng hợp, đối chiếu, cập nhật vào sổ điểm điện tử.

- Thanh toán không dùng tiền mặt: đơn vị triển khai thu các khoản dịch vụ giáo dục bằng hình thức không dùng tiền mặt qua Ngân hàng BIDV tại <https://www.bidv.com.vn>, góp phần công khai, minh bạch, thuận lợi trong công tác tài chính.

Như vậy, so với năm học trước, công tác chuyển đổi số trong quản trị nhà trường đã có bước phát triển rõ nét: từ mức triển khai ở các nội dung cơ bản sang triển khai đồng bộ nhiều phân hệ quản trị; dữ liệu được cập nhật trên các hệ thống dùng chung; hồ sơ, văn bản, điểm số, học bạ, tài chính, tài sản, thiết bị, thư viện, văn bằng chứng chỉ, công tác điều hành và kết nối cha mẹ học sinh từng bước được số hóa, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giảm hồ sơ giấy, tăng tính công khai, minh bạch và thuận tiện trong khai thác dữ liệu.

b) Minh chứng:

Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2025-2026; kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 của nhà trường; quyết định thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; quy chế, quy định sử dụng phần mềm quản trị nhà trường, hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ số; minh chứng sử dụng phần mềm edu.vn/VnEdu; minh chứng sử dụng Office 365, Teams, OneDrive để lưu trữ hồ sơ, học liệu, hồ sơ chuyên môn; minh chứng xử lý công văn đi, đến trên iOffice; minh chứng cập nhật dữ liệu trên <https://truong.csdl.moet.gov.vn>; minh chứng tài khoản, kết quả tập huấn trên <https://taphuan.csdl.edu.vn>; minh chứng sử dụng phần mềm viên chức <https://cbccvc.quangngai.gov.vn>; minh chứng sử dụng phần mềm kế toán MISA Mimosa <https://mimosaapp.misa.vn>; minh chứng sử dụng phần mềm quản lý tài sản MISA <https://qltsapp.misa.vn>; minh chứng sử dụng phần mềm thư viện [Vietbiblio](#); minh chứng quản lý văn bằng, chứng chỉ, sổ đăng bộ, hồ sơ học sinh; minh chứng triển khai thu không dùng tiền mặt qua BIDV; hình ảnh, tài khoản, báo cáo trích xuất, thông báo triển khai, biên bản họp, đường link dữ liệu minh chứng kèm theo.

c) Điểm tự đánh giá: 70/70 điểm.

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 3.

Tiêu chí 2.4. Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường đã triển khai các dịch vụ trực tuyến và kênh kết nối số giữa nhà trường, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh. Cha mẹ học sinh được hướng dẫn theo dõi kết quả học tập, rèn luyện của học sinh qua phần mềm quản lý nhà trường, sổ liên lạc điện tử, nhóm Zalo lớp và các thông báo trực tuyến của giáo viên chủ nhiệm, nhà trường.

Nhà trường thực hiện tiếp nhận, xử lý, trao đổi văn bản qua iOffice; cập nhật báo cáo, thống kê trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành; triển khai các dịch vụ trực tuyến theo phân cấp của ngành; phối hợp thực hiện các nội dung liên quan đến đăng ký dự thi, tuyển sinh, hồ sơ học sinh, chế độ chính sách và các thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục trên môi trường số.

Đặc biệt, nhà trường đã triển khai thu các khoản dịch vụ giáo dục bằng hình thức không dùng tiền mặt qua Ngân hàng BIDV tại <https://www.bidv.com.vn>, góp phần minh bạch hóa công tác tài chính, giảm giao dịch tiền mặt, tạo thuận lợi cho phụ huynh, học sinh và bộ phận kế toán.

b) Minh chứng:

Thông báo triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; tài khoản/biên bản phối hợp với BIDV; minh chứng giao dịch thanh toán; thông báo hướng dẫn cha mẹ học sinh; hình ảnh/tin bài truyền thông; dữ liệu phần mềm quản lý nhà trường; hồ sơ iOffice; minh chứng thực hiện dịch vụ trực tuyến theo phân cấp.

c) Điểm tự đánh giá: 30/30 điểm.

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 3.

Kết quả tự đánh giá Tiêu chí 2: Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Tổng điểm: 100/100 điểm.

Xếp loại mức độ: Mức độ 3.

3. Kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị

Chuyển đổi số trong dạy, học: 90/100 điểm, xếp loại Mức độ 3.

Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục: 100/100 điểm, xếp loại Mức độ 3.

Tổng điểm tự đánh giá chung: 95/100 điểm.

Xếp loại mức độ chuyển đổi số của đơn vị: Mức độ 3.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong năm học 2025-2026, Trường THPT Trần Hưng Đạo đã triển khai công tác chuyển đổi số một cách đồng bộ, thực chất, bám sát chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện kịp thời; nhà trường đã ban hành kế hoạch, phân công nhiệm vụ, kiện toàn bộ phận phụ trách, đưa nhiệm vụ chuyển đổi số vào kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn và tiêu chí thi đua. Các nền tảng số được khai thác thường xuyên, góp phần thay đổi phương thức quản lý, dạy học và phục vụ người học.

Trong dạy học, nhà trường triển khai hiệu quả Microsoft Teams, Office 365, Azota và các công cụ số hỗ trợ dạy học, kiểm tra đánh giá. Giáo viên sử dụng máy tính xách tay, tivi tại 100% phòng học để tổ chức dạy học trực quan, sinh động; xây dựng học liệu số, giao nhiệm vụ học tập, kiểm tra thường xuyên và phản hồi kết quả học tập cho học sinh. Việc dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp được triển khai nền nếp, phù hợp với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học.

Trong kiểm tra, đánh giá, nhà trường sử dụng Azota và các công cụ số để giao bài, thu bài, chấm bài, tổng hợp kết quả, từng bước hình thành ngân hàng câu hỏi, đề kiểm tra trực tuyến và hồ sơ đánh giá điện tử. Kết quả kiểm tra được cập nhật, quản lý trên sổ điểm điện tử và phần mềm quản lý nhà trường.

Trong quản trị nhà trường, các hoạt động quản lý, điều hành, lưu trữ hồ sơ, xử lý văn bản, quản lý viên chức, quản lý tài chính, quản lý tài sản, thiết bị, quản lý thư viện, quản lý văn bằng chứng chỉ, thống kê, báo cáo, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành đều được thực hiện trên môi trường số. Nhà trường đã triển khai học bạ số, sổ điểm điện tử, sổ đăng bộ điện tử, iOffice, Office 365, phần mềm viên chức, phần mềm kế toán MISA, phần mềm quản lý tài sản MISA, phần mềm thư viện Vietbiblio, phần mềm quản lý văn bằng chứng chỉ và các hệ thống dùng chung của ngành.

Trong cung cấp dịch vụ số, nhà trường đã thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt qua BIDV; tăng cường kết nối với cha mẹ học sinh qua phần mềm quản lý nhà trường, Zalo, website/cổng thông tin điện tử và các kênh trực tuyến. Việc trao đổi thông tin giữa nhà trường, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giáo dục.

So với năm học trước, khi nhà trường được đánh giá đạt Mức độ 2 về chuyển đổi số, năm học 2025-2026 Trường THPT Trần Hưng Đạo đã có bước chuyển biến rõ rệt, toàn diện và thực chất hơn. Nhà trường không chỉ duy trì các nền tảng số đã có mà còn mở rộng thêm nhiều phân hệ quản trị quan trọng như: học bạ số, sổ điểm điện tử, sổ đăng bộ, quản lý văn bằng chứng chỉ, quản lý thư viện bằng Vietbiblio, quản lý thiết bị và tài sản bằng MISA, quản lý kế toán bằng MISA Mimosa, quản lý viên chức qua hệ thống của tỉnh, xử lý văn bản qua iOffice, lưu trữ hồ sơ trên Office 365, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành, tổ chức dạy học trực tuyến qua Microsoft Teams, kiểm tra đánh giá qua Azota và triển khai thanh toán không dùng tiền mặt qua BIDV.

Các hoạt động quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá, lưu trữ hồ sơ, tài chính, tài sản, thiết bị, thư viện, văn bản, dữ liệu học sinh, dữ liệu đội ngũ và phối hợp với cha mẹ học sinh đã từng bước được thực hiện trên môi trường số. Đây là cơ sở quan trọng

để nhà trường tự đánh giá công tác chuyển đổi số năm học 2025-2026 đạt Mức độ 3, bảo đảm phù hợp với thực tế triển khai tại đơn vị và định hướng của ngành giáo dục.

2. Khó khăn, hạn chế

Một số thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị mạng, máy tính, thiết bị phụ trợ sau thời gian sử dụng cần tiếp tục được bảo trì, nâng cấp để đáp ứng tốt hơn yêu cầu triển khai đồng bộ chuyển đổi số.

Việc xây dựng học liệu số tuy đã được triển khai mạnh mẽ nhưng cần tiếp tục chuẩn hóa về chất lượng, quy trình phê duyệt, lưu trữ và chia sẻ dùng chung để tạo kho học liệu số ổn định, có tính kế thừa lâu dài.

Một số phần mềm, nền tảng đang được sử dụng theo từng mảng nghiệp vụ khác nhau, cần tiếp tục tăng cường khả năng liên thông, khai thác dữ liệu, hạn chế việc nhập dữ liệu nhiều lần.

Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ trên máy tính cần tiếp tục được triển khai theo lộ trình phù hợp với điều kiện phòng máy, đường truyền Internet, thiết bị và yêu cầu chuyên môn.

Công tác bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản lý tài khoản, sao lưu dữ liệu cần tiếp tục được quan tâm thường xuyên nhằm phòng ngừa rủi ro mất an toàn thông tin trong quá trình khai thác, sử dụng các nền tảng số.

3. Phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng chuyển đổi số trong quản trị nhà trường, dạy học, kiểm tra đánh giá, lưu trữ hồ sơ điện tử, học bạ số, sổ điểm điện tử, sổ đăng bộ và cơ sở dữ liệu ngành.

Tiếp tục khai thác hiệu quả Microsoft Teams, Office 365, Azota, iOffice, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm viên chức, MISA Mimosa, MISA Quản lý tài sản, Vietbiblio, hệ thống quản lý văn bằng chứng chỉ, hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt qua BIDV và các nền tảng số đang triển khai.

Hoàn thiện kho học liệu số dùng chung của nhà trường; yêu cầu các tổ chuyên môn tiếp tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt và chia sẻ học liệu số theo môn học, khối lớp, chuyên đề.

Tăng cường bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; chú trọng kỹ năng xây dựng học liệu số, kiểm tra đánh giá trực tuyến, khai thác dữ liệu, sử dụng AI có trách nhiệm, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin.

Tiếp tục rà soát, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, đường truyền Internet, phòng máy tính, thiết bị trình chiếu, thiết bị phục vụ dạy học số; nghiên cứu bố trí không gian, phòng chức năng phục vụ xây dựng bài giảng điện tử, học liệu số.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc cập nhật dữ liệu, sử dụng phần mềm, bảo mật tài khoản, sao lưu hồ sơ và thực hiện các quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng trong nhà trường.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kính đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục quan tâm tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về quản trị dữ liệu, học bạ số, sổ điểm điện tử, kiểm tra đánh giá trên môi trường số, an toàn thông tin, an ninh mạng và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục.

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục có hướng dẫn thống nhất về hồ sơ minh chứng, cách chấm điểm, cách cập nhật kết quả tự đánh giá lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành để các đơn vị thực hiện đúng, đủ, thống nhất.

Đề nghị cấp trên quan tâm hỗ trợ nguồn lực, kinh phí, hạ tầng kỹ thuật, thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm bản quyền và các điều kiện cần thiết để nhà trường tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng chuyển đổi số trong giai đoạn tiếp theo.

Căn cứ kết quả triển khai thực tế, hồ sơ minh chứng và đối chiếu với Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông, Trường THPT Trần Hưng Đạo tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025-2026 đạt 95/100 điểm, xếp loại Mức độ 3. Kết quả này thể hiện sự chuyển biến tích cực so với năm học trước, khi nhà trường được đánh giá đạt Mức độ 2; đồng thời phản ánh đúng quá trình triển khai đồng bộ, thường xuyên, thực chất công tác chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra đánh giá và quản trị nhà trường.

Trên đây là báo cáo kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số tại đơn vị, năm học 2025-2026 của trường THPT Trần Hưng Đạo, kính báo Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi được biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Mai Xuân Kiên

PHỤ LỤC
BẢNG TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO NĂM HỌC 2025-2026

STT	Tiêu chí	Điểm/Tình trạng	Mức độ	Ghi chú/Minh chứng	Đường link
1	Chuyển đổi số trong dạy, học	90/100	Mức độ 3	Kế hoạch, quy chế, Microsoft Teams, Office 365, Azota, học liệu số, tivi 100% phòng học	Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 - OneDrive 01. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ - OneDrive
1.1	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến	Có	Đạt điều kiện bắt buộc	Kế hoạch CNTT, chuyển đổi số năm học 2025-2026	Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 - OneDrive Kế hoạch chuyển đổi số ngành GDĐT giai đoạn 2026-2030 - OneDrive
1.2	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến	Có	Đạt điều kiện bắt buộc	Quy chế, hướng dẫn dạy học trực tuyến	Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2025-2026 - OneDrive
1.3	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến	30/30	Mức độ 3	Microsoft Teams, Office 365, Azota, VnEdu/Zalo phối hợp cha mẹ học sinh	01.THPT Trần Hưng Đạo - OneDrive Dòng thời gian - Mạng giáo dục Việt Nam-Vietnam Education Network
1.4	Số lượng học liệu được số hóa	10/10	Mức độ 3	Trên 40 học liệu số; kho học liệu trên Office 365/OneDrive	01.THPT Trần Hưng Đạo - OneDrive
1.5	Tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá trên máy tính	15/20	Mức độ 3	Azota, Google Forms, Microsoft Forms, Quizizz, sổ điểm điện tử	Kế hoạch kiểm tra đánh giá năm học 2025-2026 - OneDrive Dòng thời gian - Mạng giáo dục Việt Nam-Vietnam Education Network
1.6	Phát triển nguồn nhân	20/20	Mức độ 3	taphuan.csdl.edu.vn, tập huấn nội bộ, sản phẩm học liệu số	Hệ thống bồi dưỡng thường xuyên giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông

	lực chuyển đổi số				
1.7	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học	15/20	Mức độ 3	100% phòng học có tivi, giáo viên có máy tính xách tay, Internet, phòng máy	01. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ - OneDrive
2	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100/100	Mức độ 3	VnEdu/edu.vn, học bạ số, sổ điểm điện tử, sổ đăng bộ, iOffice, Office 365, CSDL ngành, MISA, Vietbiblio, BIDV	Dòng thời gian - Mạng giáo dục Việt Nam-Vietnam Education Network https://truong.cSDL.moet.gov.vn MISA ID - Đăng nhập MISA QLTS Nền tảng quản trị thư viện VietBilio BIDV
2.1	Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số	Có	Đạt điều kiện bắt buộc	Quyết định thành lập, phân công nhiệm vụ	Quyết định thành lập Ban chuyển đổi số năm 2026 - OneDrive
2.2	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số	Có	Đạt điều kiện bắt buộc	Kế hoạch năm học, kế hoạch giai đoạn 2026-2030	Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 - OneDrive Kế hoạch chuyển đổi số ngành GDĐT giai đoạn 2026-2030 - OneDrive
2.3	Triển khai phần mềm quản trị nhà trường	70/70	Mức độ 3	Học bạ số, sổ điểm điện tử, sổ đăng bộ, Office 365, iOffice, cbccvc, MISA Mimosa, MISA QLTS, Vietbiblio, CSDL ngành	Dòng thời gian - Mạng giáo dục Việt Nam-Vietnam Education Network https://truong.cSDL.moet.gov.vn UBND tỉnh Quảng Ngãi MISA ID - Đăng nhập MISA QLTS Nền tảng quản trị thư viện VietBilio BIDV

2.4	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến	30/30	Mức độ 3	VnEdu/Zalo kết nối cha mẹ học sinh, dịch vụ trực tuyến, thu không dùng tiền mặt qua BIDV	Dòng thời gian - Mạng giáo dục Việt Nam-Vietnam Education Network BIDV
3	Kết quả chung	95/100	Mức độ 3	Báo cáo và hồ sơ minh chứng kèm theo	Dòng thời gian - Mạng giáo dục Việt Nam-Vietnam Education Network https://truong.cSDL.moet.gov.vn UBND tỉnh Quảng Ngãi MISA ID - Đăng nhập MISA QLTS Nền tảng quản trị thư viện VietBilio BIDV